Trường Tiểu Học Meairs

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2024-2025 (Công bố trong năm học 2025-2026)

Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng quan về SARC

Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

DataQuest

DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ https://dq.cde.ca.gov/dataquest/ bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lương ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) https://www.caschooldashboard.org/ phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy cập Internet	Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ https://admission.universityofcalifornia.edu/.
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ https://www2.calstate.edu/.

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2025-26

Tên Trường học	Trường Tiểu Học Meairs
Đường phố	8441 Trask Avenue
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu	Garden Grove, CA 92844
Số điện thoại	(714) 372-8800
Hiệu Trưởng	Nicole Alvarado
Địa chỉ email	nalvarado@wsd.k8.us
Trang web của Trường	meairs.wsdk8.us
Phạm vi cấp lớp	K-5
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường	30667466030811

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2025-26

Tên Khu học chánh	Khu Học Chánh Westminster
Số điện thoại	(714) 894-7311
Giám Đốc Khu Học Chánh	Dr. Gunn Marie Hansen
Địa chỉ email	Cherylsosa@wsdk8.us
Trang web của Khu học chánh	wsdk8.us

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

Tôi xin trân trọng chia sẻ Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Tiểu Học Iva Meairs với các gia đình và cộng đồng của chúng tôi. Trường Tiểu Học Meairs phục vụ các học sinh từ mẫu giáo đến lớp năm và tọa lạc ở góc tây nam của

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

Garden Grove. Cộng đồng trường học của chúng tôi vô cùng đa dạng, chủ yếu bao gồm học sinh gốc Á và Latinh, tạo nên một môi trường thân thiện, nơi các học sinh học hỏi lẫn nhau và phát triển cả về mặt học thuật lẫn xã hội. Sự đa dạng này củng cố văn hóa học đường và làm phong phú thêm trải nghiệm giáo dục mà chúng tôi cung cấp chomọi trẻ em.

Phù hợp với Dự Luật 98, các trường ở California bắt buộc phải công bố Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học thường niên. Báo cáo này mang đến cơ hội để chia sẻ những tiến bộ mà chúng tôi tiếp tục đạt được và nhấn mạnh cam kết của chúng tôi đối với Sự Xuất Sắc về Học Tập và Sức Khỏe Toàn Diện của Học Sinh. Tại Meairs, mục tiêu của chúng tôi là khơi dậy niềm yêu thích học tập, đồng thời phát triển các kỹ năng học thuật, xã hội và cảm xúc mà học sinh cần để thành công ở bậc trung học phổ thông và xa hơn nữa. Chúng tôi tin rằng tất cả học sinh đều có thể và sẽ đạt thành tích xuất sắc, và chúng tôi tự hào có đội ngũ giáo viên trình độ cao, tận tâm, những người luôn hợp tác để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của học sinh và gia đình.

Mục đích của việc chia sẻ thông tin này là để thông báo và gắn kết cộng đồng của chúng tôi. Giao tiếp cởi mở và quan hệ đối tác bền chặt với các gia đình là yếu tố then chốt dẫn đến thành công của chúng tôi, và chúng tôi luôn hoan nghênh các câu hỏi, phản hồi cũng như đề xuất từ quý vị. Xin cảm ơn quý vị đã tiếp tục hỗ trợ để Trường Tiểu Học Iva Meairs trở thành một môi trường học tập tích cực và hòa nhập, nơi mọi học sinh đều được khuyến khích nỗ lực hết mình, trở thành những người học tập suốt đời và phát triển thành những công dân hữu ích.

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2024-25 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh
Mẫu Giáo	101
Lớp 1	64
Lớp 2	57
Lớp 3	44
Lớp 4	59
Lớp 5	62
Tổng tuyển sinh	387

Tuyển sinh năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	47.3
Nam	52.7
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.3
Người gốc Á	34.4
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	1.3
Người gốc Philippines	0.8
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	55.8
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	1
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	2.3
Người Da Trắng	2.1
Học Viên Tiếng Anh	43.9
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.3
Học sinh vô gia cư	4.7
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	89.4
Học sinh khuyết tật	13.2

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	23	100	378.1	89.28	234405.2	84
Người giữ chứng chỉ thực tập được phần công phù hợp	0	0	0	0	4853	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0	0	14.4	3.41	12001.5	4.3
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0	0	0.8	0.2	11953.1	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	0	0	30.1	7.11	15831.9	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	23	100	423.4	100	279044.8	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	23	92	378.6	87.29	231142.4	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phần công phù hợp	0	0	0	0	5566.4	2
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0	0	4.1	0.95	14938.3	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0	0	14.6	3.38	11746.9	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	2	8	36.3	8.38	14303.8	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	25	100	433.7	100	277698	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2023-24

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	21.5	95.56	357.2	88.87	230039.4	100

Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0	0	0	0	6213.8	2.23
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0	0	3.8	0.96	16855	6.04
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0	0	11.8	2.94	12112.8	4.34
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	1	4.44	29	7.23	13705.8	4.91
Tổng số vị trí giảng dạy	22.5	100	401.9	100	278927.1	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2021-22	2022-23	2023-24
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0	0
Phân công sai	0.00	0	0
Vị trí trống	0.00	0	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	0.00	0	0

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0	0
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.00	0	0

Phân công lớp học

Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	0	0	0
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	0	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2025-

Khu Học Chánh Westminster đã tổ chức một buổi điều trần vào ngày 16 Tháng Mười, 2025 và xác định rằng mỗi trường học trong khu học chánh đều có đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy hoặc thiết bị phòng thí nghiệm khoa học chất lượng tốt, theo thỏa thuận dàn xếp trong vụ Williams kiện Tiểu Bang California. Sách giáo khoa các môn học chính và tài liệu giảng dạy được cung cấp cho mỗi học sinh, bao gồm cả người học tiếng Anh.

Các văn bản và tài liệu theo tiêu chuẩn được dành riêng để sử dụng trong lớp học và mang về nhà. Tất cả sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy sử dụng trong trường đều tuân thủ Khung Chương Trình của Tiểu Bang California, Hội Đồng Giáo Dục Tiểu Bang và Tiêu chuẩn của Khu Học Chánh.

Khu Học Chánh Westminster luôn tích cực trong quy trình lựa chọn tài liệu và sách giáo khoa. Quy trình lựa chọn có sự tham gia của giáo viên, thành viên ban giám hiệu, nhân viên hỗ trợ của khu học chánh và phụ huynh. Khu Học Chánh tuân thủ Chu Kỳ Phê Chuẩn Sách Giáo Khoa của Tiểu Bang California, yêu cầu mọi trường học phải rà soát lại bộ sách giáo khoa ở từng lĩnh vực chương trình giảng dạy theo chu kỳ bảy năm; sách giáo khoa được thay mới theo tỷ lệ một lĩnh vực môn học mỗi năm. Bảng này liệt kê danh sách các sách giáo khoa mới nhất được phê chuẩn trong các lĩnh vực môn học chính của trường tính đến ngày 16 Tháng Mười, 2025.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập	Tháng Mười, 2025

Môn học	Danh sách bộ sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/Nêu rõ từ lần thông qua gần đây nhất / Năm thông qua	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Đọc/Ngữ văn	McGraw-Hill World of Wonders / 2017 McGraw-Hill World of Wonders with Integrated ELD (Program 2) / 2017 Scholastic Read 180/System 44 / 2011	0
Toán	McGraw-Hill (My Math) / 2016	0
Khoa Học	McGraw-Hill Inspire Science / 2020	0
Lịch sử-Khoa học xã hội	Houghton Mifflin Social Studies / 2007	0
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	McMillan McGraw-Hill (Spotlight on Music California) / 2009	0
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	KHÔNG ÁP DỤNG	

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Trường Tiểu Học Meairs mang đến khuôn viên trường an toàn và bảo mật cho học sinh, nhân viên và khách thăm. Biểu đồ thể hiện kết quả thanh tra cơ sở vật chất gần đây nhất do khu học chánh thực hiện vào Tháng Chín, 2024.

Quy Trình và Lịch Biểu Vệ Sinh
Hội đồng quản lý khu học chánh đã áp dụng các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học trong khu học chánh. Tất cả các trường đều có lịch vệ sinh định kỳ. Mỗi lớp học đều được quét dọn hoặc hút bụi và đổ rác. Nhà ăn, phòng đa năng và tất cả các phòng vệ sinh đều được dọn dẹp hằng ngày. Sân vườn được cắt tỉa luân phiên, các vấn đề về rác thải, bãi cỏ và hệ thống ống nước được xử lý hằng ngày.

Bảo Trì và Sửa Chữa
Đội ngũ bảo trì của Khu Học Chánh đảm bảo các sửa chữa cần thiết để trường học luôn trong tình trạng tốt và các phiếu yêu cầu công việc sẽ được hoàn thành kịp thời. Quy trình phiếu yêu cầu công việc được sử dụng để bảo đảm dịch vụ hiệu quả và công tác sửa chữa khẩn cấp sẽ được ưu tiên cao nhất.

Ngân Sách Bảo Trì Phân Kỳ
Hàng năm, học khu sẽ đánh giá các nhu cầu bảo trì phân kỳ và lập ngân sách cho từng cơ sở trường học. Tùy thuộc vào khả

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

năng có sẵn nguồn kinh phí, học khu sẽ ưu tiên các nhu cầu về an toàn trước tiên rồi mới ưu tiên các công việc sửa chữa cơ sở vật chất khác tương ứng. Thông thường, các công việc bảo trì phân kỳ bao gồm sửa chữa mái nhà, hệ thống ống nước, hệ thống sưởi ấm, điều hòa không khí, hệ thống điện, lát đường và lát sàn.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất	9/19/2024

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
Nội thất: Bề mặt nội thất	X			: Hành chính: Khu vực lễ tân cần được sơn lại. Một vài sứt mẻ ở phòng y tế và khu vực văn phòng chính.
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			Phòng học B1-B5: Cửa ra vào ở khu B4 bị mối mọt phá hoại nghiêm trọng
Điện	X			
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			Phòng học A1-A4: Hư hại do mối mọt cũ trên gờ cửa sổ trong phòng A4
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cổng/Hàng rào	X			

Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang
(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

1. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
2. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm
Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	37	45	53	54	47	48
Toán (lớp 3-8 và 11)	31	37	45	45	35	37

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng ghi danh CAASPP	Số tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm không tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	164	164	100.00	0.00	45.12
Nữ	75	75	100.00	0.00	44.00
Nam	89	89	100.00	0.00	46.07
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	53	53	100.00	0.00	64.15
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	98	98	100.00	0.00	34.69
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Học Viên Tiếng Anh	61	61	100.00	0.00	18.03
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--	--
Quân đội	--	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	113	113	100.00	0.00	41.59
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	19	19	100.00	0.00	36.84

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng ghi danh CAASPP	Số tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm không tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	164	164	100.00	0.00	37.20
Nữ	75	75	100.00	0.00	34.67
Nam	89	89	100.00	0.00	39.33
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	53	53	100.00	0.00	66.04
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	98	98	100.00	0.00	19.39
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--	--
Học Viên Tiếng Anh	61	61	100.00	0.00	22.95
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--	--
Quân đội	--	--	--	--	--
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	113	113	100.00	0.00	33.63
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	19	19	100.00	0.00	26.32

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	27.78	32.76	35.46	36.89	30.73	32.52

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Nhóm học sinh	Tổng tuyển sinh	Số tham gia khảo thí	Phần trăm tham gia khảo thí	Phần trăm không tham gia khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	59	58	98.31	1.69	32.76
Nữ	25	24	96.00	4.00	33.33
Nam	34	34	100.00	0.00	32.35
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Á	25	25	100.00	0.00	64.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0	0	0	0	0
Người gốc Philippines	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	31	30	96.77	3.23	10.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0	0
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	0	0	0	0	0
Học Viên Tiếng Anh	14	14	100.00	0.00	7.14
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	0	0	0	0	0
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	35	34	97.14	2.86	29.41
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	--	--	--	--

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Tỷ lệ tham gia Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia từng thành phần trong số năm thành phần kiểm tra thể lực của Bài Kiểm Tra Thể Lực California. Bài thi PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm thành phần kiểm tra thể lực này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được kiểm tra từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Bài tập hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 5	98.31%	100.00%	100.00%	100.00%	100.00%

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu tiên 3): Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2025-26

Trường Tiểu Học Meairs nhận biết rõ mối liên kết chặt chẽ giữa sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng với sự thành công của học sinh. Các gia đình và thành viên cộng đồng đều được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động, chương trình và tổ chức hỗ trợ việc học tập của học sinh và củng cố cộng đồng trường học của chúng ta. Các cơ hội này bao gồm các Đêm Gia Đình, các buổi hội thảo giáo dục cho phụ huynh, Chương Trình Mùa Đông, Jog-a-Thon, Read Across America, School Smarts, các hoạt động PBIS và Vườn Học Tập trong Trường. Phụ huynh cũng có thể lựa chọn tham gia thông qua Hội Phụ Huynh Giáo Viên (PTA), Hội Đồng Trường Học, Ủy Ban Cố Vấn Người Học Tiếng Anh (English Learner Advisory Committee, ELAC), và với vai trò là tình nguyện viên tại lớp học, trường học hoặc cộng đồng.

Nhà trường tích cực khuyến khích tất cả các bậc phụ huynh tham gia vào quá trình giáo dục của con em mình. Các sự kiện như Hội Nghị Phụ Huynh, Đêm Tựu Trường và Ngày Hội Mở được thiết kế để chào đón các gia đình, chia sẻ những thông tin quan trọng và mời quý phụ huynh đóng góp ý kiến. Quý phụ huynh cũng được khuyến khích đặt lịch hẹn với giáo viên hoặc hiệu trưởng của con em mình bất cứ lúc nào để thảo luận về các thắc mắc hoặc mối quan ngại.

Sự tham gia của phụ huynh là một phần không thể thiếu trong chương trình của Trường Tiểu Học Meairs, và chúng tôi đánh giá cao mối quan hệ hợp tác được xây dựng với các gia đình và cộng đồng. Để biết thêm thông tin về cách tham gia, vui lòng liên lạc với trường theo số (714) 372-8800.

Vắng mặt thường xuyên năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	401	400	64	16.0
Nữ	194	193	31	16.1
Nam	207	207	33	15.9
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	138	137	7	5.1
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	--	--	--	--
Người gốc Philippines	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	224	224	47	21.0
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	--	--	--	--
Học Viên Tiếng Anh	182	181	23	12.7
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	30	29	6	20.7
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	362	361	61	16.9
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	60	60	11	18.3

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các biện pháp nội bộ khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đình chỉ.

Đình chỉ								
Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
0.86	0.23	0.5	3.83	2.23	2.05	3.6	3.28	2.94

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đuổi học.

Đuổi học								
Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
0	0	0	0	0	0	0.08	0.07	0.06

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2024-25

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	0.50	0.00
Nữ	0.00	0.00
Nam	0.97	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	0.72	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	0.00	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.00	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	0.00	0.00
Học Viên Tiếng Anh	0.55	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.00	0.00
Học sinh vô gia cư	0.00	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	0.28	0.00
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	1.67	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2025-26

Trường Tiểu Học Meairs cam kết cung cấp một môi trường học tập an toàn và bảo mật cho tất cả học sinh, nhân viên và khách đến thăm trường. Kế Hoạch An Toàn Trường Học Toàn Diện (CSSP) được rà soát và cập nhật thường niên nhằm bảo đảm phù hợp với các yêu cầu an toàn hiện hành và các thông lệ tốt nhất. Hội Đồng Trường Học đã xem xét và phê duyệt Kế Hoạch An Toàn vào ngày 25 Tháng Chín, 2025, và Hội Đồng Giáo Dục đã phê duyệt Kế Hoạch An Toàn Trường Học vào ngày 20 Tháng Mười Một, 2025. Kế hoạch này được thảo luận với đội ngũ giảng viên nhà trường và một đại diện học sinh như một phần trong các nỗ lực không ngừng nhằm thúc đẩy trách nhiệm chung và nâng cao nhận thức về các quy trình an toàn trong khuôn viên trường.

Kế Hoạch CSSP tóm lược các yếu tố then chốt được thiết kế để bảo vệ học sinh, nhân viên và tài sản nhà trường đồng thời duy trì một môi trường học tập tích cực và hỗ trợ. Các yếu tố này bao gồm quy trình chuẩn bị sẵn sàng và ứng phó khẩn cấp, vai trò và trách nhiệm của nhân viên trong các tình huống khẩn cấp, quy trình liên lạc và các chiến lược để duy trì một môi trường học đường an toàn. Tất cả các đội ngũ sẽ nhận được bản sao của kế hoạch này và tham gia khóa đào tạo thường niên tại chỗ, tập trung vào các chính sách và quy trình an toàn trường học.

Trường Tiểu Học Meairs, được xây dựng ban đầu vào năm 1949, cung cấp các cơ sở vật chất được bảo trì đầy đủ và hiện đại, bao gồm sân chơi dành cho học sinh tiểu học và các lớp trên, thư viện, phòng đa năng, vườn trường và các lớp học có không gian phù hợp cho học sinh và nhân viên. Các buổi diễn tập an toàn, bao gồm diễn tập ứng phó động đất, diễn tập phòng cháy chữa cháy và diễn tập trú ẩn tại chỗ, đều được thực hiện thường xuyên. Trong trường hợp khẩn cấp, Kế Hoạch Ứng Phó Thảm Họa của trường cung cấp các quy trình được xác định rõ ràng, và các vật tư, đồ dùng khẩn cấp luôn sẵn có để hỗ trợ cộng đồng trường học.

D. Thông tin SARC khác

Thông tin bắt buộc trong SARC

Thông tin trong phần này phải có trong SARC nhưng không được đưa vào danh sách ưu tiên của tiểu bang cho LCFF.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại “Khác” dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Mẫu giáo	30	0	3	1
1	18	2	0	0
2	21	1	2	0
3	24	0	3	0
4	25	0	3	0
5	28	0	3	0
6	0	0	0	0
Khác	17	1	0	0

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại “Khác” dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Mẫu giáo	20	1	2	0
1	25	0	1	0
2	25	0	1	0
3	25	0	2	0
4	27	0	2	0
5	29	0	2	0
6	0	0	0	0
Khác	25	0	4	0

Quy mô lớp học trung bình cho bậc tiểu học và Phân bố quy mô lớp học năm 2024-25

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2024-25. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi lớp). Thể loại “Khác” dành cho các lớp có nhiều trình độ.

Khối lớp	Trung bình Quy mô lớp học	Số lượng lớp học với 1-20 học sinh	Số lượng lớp học với 21-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Mẫu giáo	20	1	2	
1	21	1	2	
2	19	1	2	
3	22		2	
4	30		2	
5	31		2	

Tỷ lệ học sinh so với cố vấn học tập năm 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học tập. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	0

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2024-25

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục “Khác” dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	1
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	
Nhân viên xã hội	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	2
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2023-24. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng chi tiêu cho mỗi học sinh	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Không hạn chế)	Lương trung bình của giáo viên
Trường	$ 21,685.58	$ 10,779.40	$ 10,906.18	$111,824.00
Khu học chánh	Không áp dụng	KHÔNG ÁP DỤNG	$ 10,604.71	$117,105
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	KHÔNG ÁP DỤNG	KHÔNG ÁP DỤNG	2.8%	-4.6
Các Bài Đánh Giá	KHÔNG ÁP DỤNG	Không áp dụng	$11,146	$101,700
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	KHÔNG ÁP DỤNG	-200.0	9.5

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2024-25

- Liên Bang, ECIA/ESEA/IASA
- Liên Bang, Giáo Dục Đặc Biệt, Quyền theo UDC
- Liên Bang, Giáo Dục Đặc Biệt, Các khoản tài trợ tự quyết định
- Liên Bang, Nguồn quỹ từ thuốc/rượu/thuốc lá
- Liên Bang, Hợp đồng liên ngành
- Kế Hoạch Tổng Thể về Giáo Dục Đặc Biệt - Năm hiện tại
- Danh Mục Kinh Phí Tự Chủ của Địa Phương
- Phương Tiện Đưa Đón Giáo Dục Đặc Biệt
- Các Khoản Tài Trợ Hỗ Trợ Công Nghệ Giáo Dục
- Khoản Tài Trợ McKinney-Vento

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2023-24. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/.

Danh mục	Số tiền cho Khu học chánh	Trung bình của tiểu bang cho Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	$53,741	$61,597
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	$98,849	$98,902
Mức lương cao nhất của Giáo viên	$136,442	$126,340
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Tiểu học)	$139,908	$158,383
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Sơ trung)	$139,908	$165,207
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Trung học)		$162,237
Mức lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	$348,400	$288,332
Phần trăm ngân sách cho Lương giáo viên	34.44%	31.29%
Phần trăm ngân sách dành cho Lương của Ban giám hiệu	4.35%	5.38%

Phát triển Chuyên môn

Mỗi năm có ba ngày phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhân viên khu học chánh, nhân viên hành chính và nhân viên có chứng chỉ. Các chủ đề trong những ngày này được xác định theo các lĩnh vực trọng tâm cấp khu học chánh như an toàn, phê chuẩn chương trình giảng dạy và các biện pháp hỗ trợ giảng dạy cũng như ý kiến đóng góp từ đội ngũ nhân viên cho các buổi "lên tiếng và lựa chọn" phù hợp với các nhu cầu cụ thể như hỗ trợ xã hội-cảm xúc và kết quả đánh giá nhân viên. Ngoài ra, khu học chánh còn dành thời gian nghỉ hằng tháng cho các nhóm chuyên môn cùng nhau làm việc và học tập. Nhân viên được cấp chứng chỉ cũng tham gia chương trình phát triển chuyên môn hai lần một tháng vào Thứ Tư thông qua cộng đồng học tập chuyên môn theo nhóm hoặc các buổi đào tạo chuyên môn nhắm mục tiêu. Nhân viên khu học chánh cũng tham dự các hội nghị và khóa đào tạo bên ngoài do cơ sở nhà trường xác định như các biện pháp can thiệp và hỗ trợ hành vi, đào tạo AVID, hội nghị về kỹ năng đọc và viết, hội nghị công nghệ và hội nghị GATE.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2023-24	2024-25	2025-26
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	3	3	